

Trường THCS Lý Thường Kiệt
Tổ: Văn – LS&ĐL - GDCD

Họ và tên GV: Hoàng Văn Toán
Lớp dạy: 9A1,2,3

BÀI 2: NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

Môn: Ngữ văn 9; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 13 ->24)

TUẦN 5

TIẾT PPCT: 17, 18

ĐỌC VĂN BẢN

TIẾNG ĐÀN MƯA

Bích Khê

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ *Tiếng đàn mưa*.
- Học sinh nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Học sinh nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của học sinh biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Trân trọng những kỉ ức, kỉ niệm với quê hương. Đồng thời cảm thấy yêu mến và biết ơn quê hương, nơi đã nuôi dưỡng tâm hồn từ lúc bé thơ tới khi trưởng thành.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật dạy học; tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề. Phương pháp đàm thoại

c. Sản phẩm: Trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với học sinh và học sinh với giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV Chiếu cho HS xem video ca nhạc bài hát Mùa xuân nho nhỏ do ca sĩ <i>Lê Thu Uyên</i> trình bày. https://www.youtube.com/watch?v=zvRC05MnrDM GV Sau khi xem xong video em hãy chia sẻ cảm xúc của em sau khi nghe bài nhạc <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>? Bài nhạc khiến em nhớ đến câu chuyện hay sự kiện nào mà em đã từng trải qua trong quá khứ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những cảm xúc của mình sau khi nghe bài nhạc <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung những câu trả lời còn thiếu thông tin.</p> <p style="text-align: center;"><i>GV ghi tên bài học lên bảng</i></p>	<p>- HS chia sẻ cảm nhận về giai điệu, âm thanh, cảm xúc sau khi nghe xong bài nhạc. Bài nhạc gợi nhớ em về câu chuyện hay sự kiện nào trong quá khứ. Đó là câu chuyện buồn hay vui, vừa mới xảy ra hay từ rất lâu trong quá khứ.</p> <p><i>Giới thiệu bài mới:</i> Khi mưa rơi, mỗi người có một tâm trạng và cảm xúc khác nhau. Đặc biệt với các nhà văn nhà thơ, mưa còn là ý tưởng, chủ đề để các tác phẩm văn học ra đời. Mỗi tác giả sẽ có góc nhìn và cách miêu tả khác nhau về cơn mưa. Với nhà thơ Bích Khê, tiếng mưa được so sánh với tiếng đàn, như một giai điệu khơi dậy những cảm xúc lắng đọng trong tâm hồn con người. Để hiểu rõ hơn về vẻ đẹp của con người và thiên nhiên vào một ngày mưa xuân trong thơ Bích Khê, chúng ta hãy cùng tìm hiểu tác phẩm <i>Tiếng đàn mưa</i>.</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc văn bản và hiểu nghĩa được 1 vài từ ngữ khó ở dưới chân trang SGK tr 46.

b. Nội dung: Hướng dẫn HS đọc văn bản, phương pháp thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, hợp tác.

c. Sản phẩm học tập: Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh .

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản, đọc mẫu 1 lần sau đó gọi HS đọc lại văn bản. Khi đọc cần phải có giọng đọc to, rõ ràng, điều chỉnh âm lượng, tốc độ đọc vừa phải để có sự suy ngẫm.... Trong lúc đọc sử dụng chiến lược <i>hình dung, theo dõi và suy luận</i> ở các hộp chỉ dẫn bên phải. GV cho HS đọc phần phụ chú (từ ngữ khó) ở dưới chân trang sách (<i>SGK tr 46</i>): <i>thêm lan; nội; bóng dương tà, bóng tà dương; ...</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu 1 lần văn bản, gọi HS đọc thành tiếng 1 -> 2 lần bài thơ. GV theo dõi quá trình đọc bài của HS và nhắc nhở kịp thời lỗi chính tả và ngắt nghỉ các dấu câu trong bài thơ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV đọc mẫu diễn cảm 1 lần, gọi 1 -> 2 HS đọc diễn cảm văn bản 2 lần. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét cách đọc diễn cảm bài thơ của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả Bích Khê (<i>SGK tr 47</i>) GV: Qua phần đọc về tác giả, em hãy nêu những nét chính về tác giả và tác phẩm <i>Tiếng đàn mưa</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu về tác giả Bích Khê (<i>SGK tr 47</i>). GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại, thuyết trình.</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc văn bản</p> <p style="text-align: center;">- HS có kĩ năng đọc diễn cảm bài thơ.</p> <p style="text-align: center;">- HS có kĩ năng đọc hiểu những từ ngữ khó ở dưới chân trang sách: <i>thêm lan; nội; bóng dương tà, bóng tà dương; ...</i></p> <p>1. Tác giả, tác phẩm</p>

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)</p>	<p>→ Bích Khê (1916 - 1946) quê ở tỉnh Quảng Ngãi. Ông được đánh giá cao với những bài thơ đặc sắc, giàu tính nhạc. Bích Khê là nhà thơ có nhiều tìm tòi, cách tân trong phong trào Thơ mới (1932 – 1945).</p> <p>→ Tác phẩm: <i>Tiếng đàn mưa</i> nằm trong tập thơ <i>Tinh hoa</i> (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến năm 1944).</p>
---	--

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát được thể hiện trong bài thơ *Tiếng đàn mưa*.
- Học sinh nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Học sinh nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập GV đánh giá, thu về lưu trữ trong hồ sơ học tập môn Ngữ văn.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Đọc bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> cảm xúc tinh tế, lãng mạn, sâu sắc mà vẫn gần gũi, thân thuộc. Theo em phương thức biểu đạt của văn bản là gì? Được sáng tác theo thể thơ nào? GV2: Bài thơ có thể được chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại (GV với HS), trả lời 2 câu hỏi. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, thuyết trình, giải thích.</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản 1. Đọc hiểu hình thức</p>

<p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời nội dung 2 câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết</i>)</p> <p>Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>. GV2: Những từ ngữ nào được sử dụng nhiều lần trong bài thơ? Việc lặp lại những từ ngữ ấy có tác dụng gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cặp đôi ngồi theo bàn học để trả lời 2 câu hỏi, thời gian 2 -> 3 phút. GV sử dụng phương pháp đàm thoại 1-1.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi trình bày kết quả thảo luận câu hỏi 1, 2. GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết</i>).</p>	<p>→ Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp với miêu tả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: song thất lục bát → Bố cục: 4 khổ thơ chia làm 4 phần - Khổ 1: Những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa. - Khổ 2: Những nơi mưa rơi xuống. - Khổ 3: Cảnh vật khi mưa rơi xuống. - Khổ 4: Nguyên nhân khiến “<i>khách tha hương</i>” rơi lệ. <p>2. Đọc hiểu nội dung 2.1. Tìm hiểu một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ</p> <p>→ Bài thơ xen lẫn các cặp câu 7 tiếng với các cặp câu lục bát, trong đó: cặp câu 7 tiếng đứng đầu, sau đó đến cặp câu lục bát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ gieo vần ở cả <i>vần chân</i> và <i>vần lưng</i>. + <i>Về vần lưng</i>: tiếng thứ sáu trong câu lục hiệp vần với tiếng thứ sáu trong câu bát (Ví dụ: <i>ngàn - đàn</i>); tiếng thứ bảy của câu 7 tiếng hiệp vần với tiếng thứ năm của câu 7 tiếng liền kề sau nó (<i>rich - tich</i>). + <i>Về vần chân</i>: vần chân được gieo trong cả bài thơ (<i>ương - hương</i>). - Câu thơ ngắt nhịp lẻ trước, chẵn sau (Ví dụ: <i>Mưa hoa rụng, / mưa hoa xuân rụng</i>) → Những từ ngữ được sử dụng nhiều lần trong bài thơ: <i>Mưa (hoa); Rụng; Rơi; Xuống; Nước non; Ý khách; Bóng dương</i>. - Tác dụng của việc lặp lại những từ ngữ ấy:
--	---

<p>Nhiệm vụ 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Nêu những đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa trong bài thơ. Theo em, tác giả muốn khắc họa tâm trạng gì qua những sự vật, hiện tượng ấy?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi – đáp, thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).</p> <p>Nhiệm vụ 4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Chỉ ra mối liên hệ giữa hình ảnh</p>	<p>+ Nhấn mạnh những hành động, trạng thái khác nhau của mưa xuân và cảnh vật trong mưa. + Làm rõ hơn tâm trạng của người khách tha hương khi nhìn mưa xuân.</p> <p>2.2. Cảnh mưa rơi và tâm trạng của khách tha hương</p> <p>→ Những đặc điểm chung của những sự vật, hiện tượng phụ họa cùng mưa là: + Những sự vật, hiện tượng được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần. + Các sự vật, hiện tượng mang nghĩa đôi chút mơ hồ, không xác định, hoặc mang nhiều nghĩa (<i>mưa hoa, mưa trong ý khách, bóng dương tà,...</i>). + Ở trong từng khổ thơ, các sự vật được nhắc tới có quy mô từ nhỏ đến lớn, sau đó kết thúc bằng sự vật vô cùng nhỏ; sự vật vô hình (Khổ 1: <i>hoa à lâu, thêm lan à dặm ngàn à giọng đàn</i>; Khổ 2: <i>lâu, thêm lan à nước non à giọt đàn</i>; Khổ 3: <i>đầm, nẻo đời à bóng dương tà, bóng tà dương à hoa xuân à mưa trong ý khách</i>; Khổ 4: <i>mưa à bóng dương à hàng lệ</i>). + Các sự vật, hiện tượng đều có vẻ đẹp rất thơ, tươi tắn, nhưng lại nhuốm màu buồn bởi “<i>hàng lệ rơi</i>” ở cuối bài thơ. - Qua những sự vật, hiện tượng ấy, tác giả muốn khắc họa tâm trạng: + Say mê, yêu mến ngắm nhìn cảnh mưa rơi. + Bồi hồi cảm xúc nhớ nhà. + Đau đớn, xúc động vì không thể về quê hương, mong muốn trở về cố hương.</p>
--	--

<p>nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối.</p> <p>GV2: Em có ấn tượng nhất với điều gì ở bài thơ? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV vận dụng kỹ thuật khăn trải bàn: HS được chia thành 6 nhóm với 2 câu hỏi trên.</p> <p>Nhóm 1, 2, 3 (câu hỏi 1), nhóm 4, 5, 6 (câu hỏi 2)</p> <p>GV cho HS thảo luận khoảng 7->8 phút. Mỗi nhóm cử 1 bạn đại diện để tổng hợp ý kiến (tìm câu chủ đề) các thành viên còn lại trong nhóm tìm ý để ghi vào ô của mình.</p> <p>GV quan sát học sinh thực hiện, hướng dẫn, có thể gợi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV cho các nhóm lên bảng treo kết quả trước lớp để các thành viên trong lớp theo dõi.</p> <p>Đại diện nhóm 1, 2 trả lời câu hỏi 1 (GV cho nhóm 3 nhận xét nhóm 1, 2 có thể bổ sung câu trả lời của nhóm bạn)</p> <p>Đại diện nhóm 4, 5 trả lời câu hỏi 2 (GV cho nhóm 6 nhận xét nhóm 4, 5 có thể bổ sung câu trả lời của nhóm bạn)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết)</p> <p>Nhiệm vụ 5</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Bài thơ được làm theo thể thơ song thất lục bát, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Nội dung của bài thơ tác giả muốn gửi gắm cho chúng ta điều gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp, gợi</p>	<p>→Mối liên hệ giữa hình ảnh nước non ở ba khổ thơ đầu với nội dung của hai câu thơ cuối:</p> <p>+ Trong ba khổ thơ đầu, hình ảnh nước non luôn xuất hiện cùng hình ảnh mưa, hiện lên với dáng vẻ hùng vĩ, nên thơ, tươi sáng. Điều này trái ngược hoàn toàn với nội dung hai câu thơ cuối, khi “<i>hàng lệ rơi</i>” của “<i>khách</i>” đã “<i>tắm</i>” màu sắc sầu đau, nhớ nhung cho cả hai câu.</p> <p>+ Hình ảnh nước non là tiền đề, “<i>chất xúc tác</i>” dẫn đến tâm trạng của người khách cố hương. Chính vì nhìn cảnh vật nước non trong mưa, “<i>khách</i>” mới bồi hồi nhớ lại quê cũ.</p> <p>→Em ấn tượng nhất với tình cảm yêu quê hương của người khách tha hương vì:</p> <p>+ Tình cảm ấy đã bao trùm, trở thành điểm nhấn trong bài thơ.</p> <p>+ Đây là tình cảm thiêng liêng, quý giá mà hầu hết mọi người đang có và phải có.</p> <p>+ Qua tình cảm yêu quê hương của nhân vật trữ tình, chúng ta thấy được một tâm hồn nặng lòng với quê hương của nhà thơ Bích Khê.</p> <p>3. Tổng kết văn bản</p> <p>3.1. Nghệ thuật</p>
---	---

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>mở và nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->3 HS trả lời 2 nội dung của câu hỏi. GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết</i>)</p>	<p>→ Sử dụng một số biện pháp tu từ đặc sắc: điệp ngữ, ẩn dụ,... Sử dụng hệ thống hình ảnh giàu sức gợi cảm. Ngôn ngữ: giàu tính nhạc, phù hợp với việc miêu tả nỗi buồn man mác và sâu lắng.</p> <p>3.2. Nội dung: Bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> của Bích Khê đã để lại rất nhiều ấn tượng trong lòng người đọc, điển hình là cảm xúc của nhân vật “khách tha hương”. Qua đó, bài thơ đã thực sự thành công khi nói về nỗi nhớ sự cô đơn mà không hề nặng nề về cảm xúc mà cứ nhẹ rơi như những giọt mưa mang âm thanh của tiếng đàn.</p>
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Học sinh củng cố kiến thức về văn bản *Tiếng đàn mưa* và kỹ năng đọc hiểu thơ song thất lục bát.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, hợp tác, gợi mở, nêu vấn đề.
- c. **Sản phẩm học tập:** Phiếu đánh giá kỹ năng viết đoạn văn ngắn (Hình thức, nội dung)
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nghĩ của em về bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. Thời gian từ 8 -> 10 phút. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trình bày đoạn văn cảm nhận về bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung trong đoạn văn của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, đánh giá hình thức và nội dung đoạn văn. (<i>Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS</i>)</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>Gợi ý: Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu về nội dung và hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung đoạn văn: Nêu cảm nghĩ của mình về bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>. - Về hình thức đoạn văn: Viết đoạn văn theo một cấu trúc rõ ràng (diễn dịch, quy nạp, song song hoặc phối hợp), viết đúng chính tả, dùng từ ngữ phù hợp, đặt câu đúng ngữ pháp, đảm bảo số câu theo quy định.

PHIẾU RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NHÓM/CÁ NHÂN: LỚP 9 ...

Tiêu chí		Phân chấm điểm				
		CD 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 7 -> 9 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng – phân - hợp (Hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung	Cảm nhận được nội dung về bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> . (10 điểm)					
	Cần tập trung làm rõ hình thức nghệ thuật của bài thơ. (10 điểm)					
Trình bày	Tự tin, rõ ràng, diễn cảm (5 điểm)					
TỔNG CỘNG						

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề

c. Sản phẩm học tập: Nội dung các câu hỏi ngắn để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau: Làm việc theo cặp để thực hiện cuộc phỏng vấn với các câu hỏi gợi ý hoặc do cá nhân tự đề xuất để tìm hiểu “<i>Những cung bậc tâm trạng</i>” của người khác. Các câu hỏi gợi ý: Bạn cảm thấy hạnh phúc nhất khi nào? Kỷ niệm yêu thích của bạn là gì và tại sao nó lại khiến bạn cảm thấy vui? Bạn thường làm gì khi cảm thấy buồn bã hoặc lo lắng? Có sự kiện nào gần đây khiến bạn cảm thấy tổn thương hoặc thất vọng không? Khi gặp khó khăn, bạn thường tìm sự giúp đỡ từ ai? Bạn đã từng chia sẻ cảm xúc của mình với ai đó và cảm thấy nhẹ nhõm hơn chưa? Làm thế nào bạn thể hiện sự quan tâm đến bạn bè của mình</p>	<p>IV. Vận dụng</p>

khi họ không vui? Khi gặp chuyện không vui, bạn làm gì để cải thiện tinh thần của mình? Bạn có sở thích hoặc hoạt động nào giúp bản thân cảm thấy hạnh phúc và thoải mái không?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thực hiện phỏng vấn, một người hỏi, một người trả lời; sau đó đổi vai cho nhau. Thời gian từ 5 -> 7 phút. GV theo dõi quá trình làm việc của học sinh.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 cặp đôi có tinh thần xung phong hoặc gọi chỉ định lên trả lời câu hỏi các câu hỏi phỏng vấn.

GV gọi 1 -> 2 HS nhận xét, bổ sung nội dung và cách phỏng vấn cho bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

Lưu ý: Qua cuộc phỏng vấn đó, học sinh thấu hiểu hơn về cảm xúc của nhau.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (Trang 47, 48)

TIẾT PPCT: 19

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP THANH VÀ BIỆN PHÁP TU TỪ ĐIỆP VẦN

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh nhận biết được biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần.
- Học sinh phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần trong những ngữ cảnh cụ thể.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của học sinh biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ chia sẻ.

II. Thiết bị dạy học và học

1. Chuẩn bị của giáo viên: Máy tính, giấy A0, kế hoạch bài dạy (giáo án), phiếu bài tập. Dự kiến một số tình huống khó khăn có thể xảy ra với học sinh.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

III. Tiến trình dạy học

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Học sinh giải đoán ô chữ. Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, đàm thoại, trực quan

c. Sản phẩm: Kết quả câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Chúng ta đã được học tiết Thực hành tiếng Việt trước. Em hãy nhắc lại khái niệm Thế nào là biện pháp tu từ chơi chữ? Nêu một số cách chơi chữ thường gặp. Tìm ví dụ minh họa.</p> <p>2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, kiểm tra bài cũ (thời gian 2 -> 3 phút). GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỏi đáp (1-1).</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi và cho ví dụ. GV gọi 1 vài HS bất kì nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).</p> <p style="text-align: center;">(GV ghi tên bài học lên bảng)</p>	<p>- Khái niệm biện pháp tu từ chơi chữ; một số cách chơi chữ thường gặp (<i>Thực hành tiếng Việt tiết PPCT 16</i>)</p> <p>Giới thiệu vào bài mới: Biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần được sử dụng phổ biến trong văn học. Không chỉ giúp câu văn, câu thơ giàu nhạc điệu mà còn tăng sức biểu cảm. Vậy cách sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần như thế nào? Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu qua bài học Thực hành tiếng Việt (<i>SGK tr 47, 48</i>) hôm nay nhé.</p>

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- Học sinh nhận biết được biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần.

- Học sinh phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần trong những ngữ cảnh cụ thể.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. Sử dụng phương pháp trực quan, dạy học theo mẫu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và kỹ năng phân tích, trình bày tự tin, mạch lạc

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
---------------------	------------------

<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1 SGK Tr 47, 48</p> <p>BT1: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp a, b, c.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng bàn, thời gian từ 2 -> 3 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập 1, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 1. GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết</i>). GV nhận xét tinh thần làm việc của các cặp đôi nhiệt tình, sôi nổi, hiệu quả.</p>	<p>1. Biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần</p> <p>Bài tập 1 (SGK tr 47, 48)</p> <p>→ Các biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp a, b, c.</p> <p>a. Khóc anh không nước mắt <i>Mà lòng đau như thắt</i> <i>Gọi anh chữa thành lời</i> <i>Mà hàm răng dính chặt.</i></p> <p>- Biện pháp tu từ điệp thanh thể hiện qua: những danh từ, tính từ sử dụng thanh bằng, động từ sử dụng thanh trắc (<i>khóc, thắt, gọi, dính</i>).</p> <p>=> Tác dụng: + Tập trung miêu tả hành động, làm những hành động trở nên mạnh mẽ, mang sắc thái nặng nề, đau buồn. + Tạo nhịp điệu, sự hài hòa trong khổ thơ.</p> <p>b. Ô hay buồn vương cây ngô đồng <i>Vàng rơi, vàng rơi thu mênh mông...</i></p> <p>- Biện pháp tu từ điệp thanh thể hiện qua: cả bài thơ sử dụng thanh bằng</p> <p>=> Tác dụng: + Tạo cảm xúc êm ái, nhẹ nhàng, thoáng chút buồn cho giọng điệu bài thơ. + Tạo tính nhạc và sự hài hòa.</p> <p>c. Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm <i>Heo hút cồn mây súng ngửi trời</i> <i>Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống</i> <i>Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.</i></p> <p>- Biện pháp tu từ điệp ngữ thể hiện qua: lặp lại thanh điệu qua từng nhóm âm tiết: + Câu thơ thứ nhất: trắc - bằng - trắc. + Câu thơ thứ ba: bằng - trắc - bằng.</p>
---	--

<p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 2 SGK Tr 48.</p> <p>BT2: Trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i>, biện pháp tu từ điệp thanh được Bích Khê sử dụng rất đặc biệt: điệp thanh theo từng nhóm âm tiết trong cùng một câu thơ. Hãy làm rõ tác dụng của biện pháp tu từ này trong bài thơ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi để thảo luận làm bài tập 2. Thời gian khoảng 4 -> 5 phút. GV hỗ trợ cho các cặp đôi có yêu cầu và bao quát lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 4 HS lên trình bày BT 2. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).</p> <p>Nhiệm vụ 3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 3 SGK Tr 48.</p> <p>BT3: Chỉ ra và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ điệp vần trong đoạn thơ dưới đây:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Rơi hoa hết mưa còn rả rích, Càng mưa rơi càng tích bóng dương Bóng dương với khách tha hương Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi.</i> (Bích Khê, <i>Tiếng đàn mưa</i>)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng</p>	<p>=> Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tạo giọng điệu dồn dập, hào hùng.+ Nhấn mạnh sự hùng vĩ, nguy hiểm của rừng núi. <p>Bài tập 2 SGK tr 48</p> <p>→ Trong bài thơ <i>Tiếng đàn mưa</i> biện pháp tu từ điệp thanh được Bích Khê sử dụng là điệp thanh theo từng nhóm âm tiết trong cùng một câu thơ. Cụ thể, trong các câu thơ 1, 2, 5, 9, 13 có thứ tự thanh điệu là bằng - bằng- trắc; câu thơ 10 có thứ tự thanh điệu là trắc - bằng - bằng.</p> <p>- Tác dụng của biện pháp tu từ này trong câu:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tạo cho người đọc cảm giác về sự xuất hiện đều đặn, tuần hoàn, nhịp nhàng của các sự vật trong mưa.+ Giúp tác giả nhấn mạnh vào cảm xúc được truyền tải qua bài thơ: cảm giác nhớ nhung, bồi hồi, chán nản.+ Tạo tính nhạc dồn dập, hài hòa. <p>Bài tập 3 SGK tr 48</p>
---	---

bàn, thời gian từ 3 -> 5 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 3.

GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết*).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Cho HS đọc Tri thức ngữ văn trong SGK (tr. 40); đọc khung Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần trong SGK (tr. 47, 47) và cho biết: Biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần là gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần? Cho ví dụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời khái niệm Biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (*HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài*).

→Biện pháp tu từ điệp vần được thể hiện qua: điệp vần “*wong*” và vần “*ich*”.

=>Tác dụng:

+ Tăng nhạc tính, tạo sự trùng điệp về âm hưởng buồn bã, nhớ nhung.

+ Nhấn mạnh ấn tượng về khung cảnh mưa chiều cô đơn, đồng thời truyền tải cảm xúc đau khổ, sầu não của người khách tha hương.

+ Tạo tính liên kết và sự nhịp nhàng, hài hòa trong thơ.

2. Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần

(HS đọc thầm và học nội dung bài trong hộp chỉ dẫn Nhận biết biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần SGK tr 47, 48)

2.1. Khái niệm biện pháp tu từ điệp thanh:

Điệp thanh là biện pháp tu từ ngữ âm, tạo nên bằng cách lặp lại thanh điệu cùng loại (thanh bằng hoặc thanh trắc) để làm tăng tính nhạc, nâng cao hiệu quả diễn đạt.

2.2. Khái niệm biện pháp tu từ điệp vần:

Điệp vần là biện pháp tu từ ngữ âm, sử dụng những âm tiết có vần giống nhau nhằm tạo ra sự trùng điệp về âm hưởng, tăng tính nhạc để biểu đạt cảm xúc của người viết (người nói), đồng thời gây ấn tượng thẩm mỹ cho người đọc (người nghe).

2.3. Ví dụ (tham khảo nội dung 3 bài tập và hộp chỉ dẫn SGK tr 47, 48)

3. Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học về biện pháp tu từ điệp thanh và biện pháp tu từ điệp vần để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.
- b. Nội dung:** Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm, trình bày rõ ràng. Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác để viết đoạn văn.
- c. Sản phẩm:** Kết quả viết đoạn văn ngắn để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 10 -> 12 câu) thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về một bài thơ/ đoạn thơ có sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc biện pháp tu từ điệp vần. Ví dụ: Trong đoạn thơ sau, Thâm Tâm sử dụng rất nhiều thanh bằng (gạch chân). <i><u>Đưa người, ta không đưa qua sông,</u></i> <i><u>Sao có tiếng sóng ở trong lòng?</u></i> <i><u>Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,</u></i> <i><u>Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?</u></i> <i><u>Đưa người, ta chỉ đưa người ấy</u></i> <i><u>Một già gia đình, một dưng dưng...</u></i> (Thâm Tâm, Tống biệt hành)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trình bày đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc biện pháp tu từ điệp vần trong đoạn thơ hoặc bài thơ (tự chọn). GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung trong đoạn văn của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc). (Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS)</p>	<p>3. Luyện tập và vận dụng</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nội dung: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về một bài thơ/ đoạn thơ có sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc biện pháp tu từ điệp vần.- Hình thức: Đoạn văn có độ dài khoảng 10 -> 12 câu.

PHIẾU RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NHÓM/CÁ NHÂN: Lớp 9

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiêu chí		Phân chấm điểm				
		CD 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 10 -> 12 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng – phân – hợp (hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung	Đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ về một bài thơ/ đoạn thơ (10 điểm)					
	Có sử dụng biện pháp tu từ điệp thanh hoặc biện pháp tu từ điệp vần. Giàu biểu cảm, cảm xúc chân thành (10 điểm)					
Trình bày	Tự tin, rõ ràng, diễn cảm (5 điểm)					
TỔNG CỘNG						

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Một thể thơ độc đáo của người Việt** của *Dương Lâm An*.

TIẾT PPCT: 20
ĐỌC VĂN BẢN

MỘT THỂ THƠ ĐỘC ĐÁO CỦA NGƯỜI VIỆT

Dương Lâm An

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Kết nối về chủ đề *Những cung bậc tâm trạng*: Học sinh mở rộng hiểu biết về thể thơ song thất lục bát, đặc biệt là nhận biết được thể mạnh của thể thơ này trong việc miêu tả những cảm xúc, khát vọng của con người.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của học sinh biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Phẩm chất: HS nắm được đặc điểm hình thức và giá trị nghệ thuật của thể thơ song thất lục bát. Có tinh thần sáng tạo, phát huy và giữ gìn thể thơ truyền thống của dân tộc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 9 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế bài học cho HS khắc sâu kiến thức nội dung kiến thức bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho học sinh những câu hỏi gợi mở vấn đề, trao đổi, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em hãy kể tên các bài thơ song thất lục bát mà em biết. Trong đó em ấn tượng với bài thơ nào nhất?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi. GV sử dụng phương pháp nêu tình huống có vấn đề, thuyết trình, hỏi đáp 1-1.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ cảm nhận của bản thân về một tác phẩm viết theo thể thơ song thất lục bát mà em ấn tượng. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung những câu trả lời còn thiếu thông tin.</p> <p style="text-align: center;">GV ghi tên bài học lên bảng</p>	<p>→Kể tên các bài thơ viết theo thể thơ song thất lục bát như: <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ</i> (Đoàn Thị Điểm), <i>Khóc Dương Khuê</i> (Nguyễn Khuyến), <i>Hai chữ nước nhà</i> (Trần Tuấn Khải), ...</p> <p>- Nêu cảm nhận của bản thân về một tác phẩm mà em ấn tượng.</p> <p>Giới thiệu vào bài mới: Thể thơ song thất lục bát là thể thơ truyền thống của văn học Việt Nam. Thơ song thất lục bát là thể thơ có hai câu 7 chữ, 1 câu 6 chữ, 1 câu 8 chữ. Thể thơ được nhiều người yêu thích bởi nó mang đến nhiều cảm xúc, có sự tươi mới và dễ nhớ, dễ thuộc. Để hiểu rõ về đặc điểm, quy luật và giá trị nghệ thuật của thể thơ song thất lục bát, chúng ta hãy cùng tìm hiểu trong văn bản: Một thể thơ độc đáo của người Việt của Dương Lâm An ngày hôm nay nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Học sinh cần có kỹ năng đọc văn bản cùng nội dung chủ đề khác thể loại và nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, vấn đáp
- c. Sản phẩm học tập:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đọc mẫu phần 1, 2 trong văn bản (từ đầu -> trước sau không lâu), HS đọc thành tiếng (phần 3 từ <i>Thế thơ song thất lục bát</i> đến trên đầu chứng cho); (phần 4, 5 còn lại). Khi đọc lưu ý những từ ngữ khó được chú thích ở chân trang (SGK tr 49, 50, 51). GV: Theo sự tìm hiểu được giao bài về nhà, em hãy nêu hiểu biết của mình về xuất xứ văn bản Một thể thơ độc đáo của người Việt.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu 2 phần (phần 1, 2 từ đầu -> trước sau không lâu) sau đó cho HS đọc phần 4, 5 còn lại của văn bản. GV cho HS làm việc cá nhân theo dõi phần đọc, gợi mở, nêu vấn đề trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận nhận định GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự rút ý chính để viết vào vở)</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc văn bản</p> <p>- HS có kỹ năng đọc văn bản thuyết minh (văn bản thông tin) - Xuất xứ: Theo Dương Lâm An, <i>Một thể thơ độc đáo của người Việt</i>, tạp chí Văn học và tuổi trẻ, tháng 9/2023.</p>

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

- a. Mục tiêu:** Kết nối về chủ đề *Những cung bậc tâm trạng*: Học sinh mở rộng hiểu biết về thể thơ song thất lục bát, đặc biệt là nhận biết được thể mạnh của thể thơ này trong việc miêu tả những cảm xúc, khát vọng của con người.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, nêu vấn đề, gợi mở, hợp tác, thuyết trình.

c. Sản phẩm học tập: Dùng phiếu học tập và bảng đánh giá kết quả trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản, em hãy cho biết văn bản <i>Một thể thơ độc đáo của người Việt</i> thuộc thể loại nào? Văn bản có thể chia làm mấy phần và nội dung của mỗi phần là gì ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận cặp đôi (theo bàn học) thời gian từ 3 -> 4 phút. GV hỗ trợ các cặp đôi, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS trả lời câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tự tìm ý chính ghi vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Theo thông tin trong văn bản, thơ song thất lục bát ra đời khi nào? GV2: Đặc điểm hình thức nào giúp thơ song thất lục bát giàu nhạc tính?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→ Văn bản thuộc thể loại: Văn bản thuyết minh (văn bản thông tin) - Bố cục: Chia làm 5 phần + Phần 1: Chỉ gồm 1 câu đầu (Nêu ý khái quát của toàn văn bản) + Phần 2: Tiếp -> <i>trước sau không lâu</i> (Cung cấp thông tin về thời điểm ra đời của thể thơ song thất lục bát và khẳng định thể thơ này do người Việt sáng tạo ra) + Phần 3: Tiếp -> <i>trên đầu chứng cho</i> (Nêu nét đặc sắc về hình thức khiến thơ song thất lục bát giàu nhạc tính, có khả năng truyền tải cảm xúc mạnh mẽ). + Phần 4: Tiếp -> <i>tôi bác cùng nhau</i> (Thông tin về các thể loại có sử dụng thể thơ song thất lục bát). + Phần 5: <i>Còn lại</i> (Khẳng định thể thơ này được các thế hệ nhà thơ từ xưa tới nay sử dụng trong sáng tác văn chương)</p> <p>2. Đọc hiểu nội dung</p> <p>2.1. Tìm hiểu những thông tin về thể thơ song thất lục bát</p>

<p>GV cho HS làm việc cá nhân (hỏi – đáp), gợi mở, nêu vấn đề. Câu hỏi 1, 2</p> <p>GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, thuyết trình,...</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS trả lời lần lượt 2 câu hỏi.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Văn bản đề cập những điểm tương đồng và khác biệt nào giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát?</p> <p>(<i>GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1</i>)</p> <p>GV2: Theo văn bản, vì sao thể thơ song thất lục bát vẫn được sử dụng để sáng tác trong thời kì hiện đại?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS thảo luận nhóm (theo cặp đôi) thời gian từ 3 ->4 phút.</p> <p>GV đi hỗ trợ HS các nhóm khi có yêu cầu, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS báo cáo kết quả thảo luận cặp đôi.</p> <p>GV gọi 1 vài HS bất kì nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (<i>HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p>	<p>→ Thể thơ song thất lục bát ra đời trong khoảng thế kỉ XV - XVI, với hai tác phẩm đầu tiên là <i>Chi Nam ngọc âm giải nghĩa</i> (được sáng tác vào khoảng thế kỉ XV) và <i>Đại nghĩa bát giáp thường đào giải văn</i> (được sáng tác năm 1505).</p> <p>→ Đặc điểm hình thức giúp thơ song thất lục bát giàu nhạc tính là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những câu thơ dài và ngắn đan xen. - Mật độ tiếng gieo vần lớn (trung bình mỗi bốn tiếng có một tiếng gieo vần). - Những câu thơ song thất lục bát luôn phối hợp hài hòa với nhau. <p>2.2. Tìm hiểu ảnh hưởng và giá trị của thể thơ song thất lục bát đối với đời sống văn hoá và thi ca Việt Nam</p> <p>→ Điểm tương đồng và khác biệt giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát:</p> <p>* Giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tương đồng ở quy luật dùng thanh điệu và cách gieo vần ở cặp câu lục bát: <ul style="list-style-type: none"> + Thanh điệu được cố định ở câu lục (các vị trí tiếng thứ 2, 4, 6) là bằng - trắc - bằng, thanh điệu được cố định ở câu bát (vị trí tiếng thứ 2, 4, 6, 8) là bằng - trắc - bằng - bằng. + Vần chân được gieo ở cả hai câu, vần lưng được gieo ở tiếng thứ 6 (hoặc tiếng thứ 4) của câu bát. * Khác nhau: <p>Về thơ song thất lục bát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thơ song thất lục bát có thêm cặp câu lục. - Về thanh điệu cặp câu lục: <ul style="list-style-type: none"> + Chú trọng quy chuẩn thanh điệu của các tiếng ở vị trí lẻ trong câu thơ. - Về vần: mỗi câu thất đều có cả vần chân
---	---

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Trình bày suy nghĩ của em về nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát: *“Đó thực sự là một thể thơ đặc sắc mà người Việt đã sáng tạo nên để có thể gửi gắm vào trong đó tâm hồn sâu lắng của mình”*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, cảm nhận của bản thân về thể thơ song thất lục bát, thời gian từ 3 -> 4 phút. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trình bày cảm nhận của bản thân về thể thơ song thất lục bát.

Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi. *(HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết)*.

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu văn bản em hãy cho biết nghệ thuật và nội dung mà tác

và vận lung. Cứ 28 tiếng sẽ có bảy tiếng gieo vần.

Về thơ lục bát:

- Về vần: Trong bài thơ 28 tiếng, chỉ có sáu tiếng được gieo vần.

- Không có cặp câu lục.

→ Thể thơ song thất lục bát vẫn được sử dụng để sáng tác trong thời kì hiện đại vì:

- Về đẹp, sức truyền cảm đặc biệt của thể thơ này: thể thơ song thất lục bát giàu tính nhạc điệu, giàu biểu cảm, vì vậy giúp nhà thơ dễ dàng truyền tải được cảm xúc tới người đọc bằng những câu thơ lãng mạn, tinh tế nhất.

- Thể thơ song thất lục bát luôn đem lại ấn tượng về những tình cảm thân thương.

2.3. Tìm hiểu về cách trình bày thông tin trong văn bản

→ Nhận định của tác giả đối với thể thơ song thất lục bát là nhận định hay và chính xác. Thể thơ song thất lục bát là thể thơ được ông cha ta sáng tạo ra, thể hiện tinh thần biết cải biên những gì đã có (văn học Trung Quốc) để sáng tạo ra những cái mới thuộc về bản thân. Thể thơ có cách ngắt nhịp, gieo vần, thanh điệu vô cùng hài hòa, nhẹ nhàng, giàu tính nhạc, trở thành một trong những thể thơ đặc sắc nhất, được sử dụng nhiều nhất trong thơ văn Việt Nam. Cũng chính bởi do được người Việt tạo ra mà thể thơ này mang đậm bản sắc, cốt cách, tâm hồn của dân tộc ta. Nội dung được truyền tải trong thơ song thất lục bát thường là cảm xúc, tâm hồn sâu lắng của tác giả với quê hương, đất nước, con người. Đây cũng là đặc điểm mà ít thể thơ nào làm được.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

<p>giả muốn gửi gắm chúng ta điều gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm (thời gian từ 5 ->6 phút), sử dụng sơ đồ tư duy để khắc sâu kiến thức bài học. GV phát giấy Roki, bút màu cho HS thể hiện tính sáng tạo khi thể hiện nội dung bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV cho HS mang kết quả lên bảng treo cho cả lớp theo dõi kết quả của 6 nhóm. GV gọi 3 HS của 3 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận. GV gọi 3 HS nhóm khác lên nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi. (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>→Văn bản <i>Một thể thơ độc đáo của người Việt</i> cung cấp một số thông tin mở rộng về thể thơ song thất lục bát (nguồn gốc, đặc điểm, quá trình phát triển và ảnh hưởng của thể thơ trong tiến trình thơ ca hiện đại).</p> <p>- Văn bản sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh; hệ thống thông tin được triển khai phong phú, bao gồm cả tri thức về văn học và văn hoá, lịch sử,...</p> <p>3.2. Nội dung: Văn bản giới thiệu về thể thơ song thất lục bát (nguồn gốc, các đặc điểm về hình thức, nội dung, sự phát triển của thể thơ), đồng thời khẳng định đây là thể thơ độc đáo của người Việt.</p>
--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/ cá nhân: Lớp 9

Nhiệm vụ: Văn bản đề cập những điểm tương đồng và khác biệt nào giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát?

Giống nhau	Khác nhau		Đánh giá		
	Thơ song thất lục bát	Thơ lục bát	CD	Đ	T
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGŨ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
TỔNG CỘNG					

3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng (Thời gian học 1 tiết có thể cho HS về nhà làm BT)

- a. Mục tiêu:** Học sinh củng cố kiến thức về văn bản *Một thể thơ độc đáo của người Việt*, kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề
- c. Sản phẩm học tập:** Kết quả học tập để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Dựa trên thông tin từ văn bản, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 10 -> 12 câu) trình bày suy nghĩ của em về tầm quan trọng của thơ song thất lục bát đối với văn hoá và văn học Việt Nam.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh, thời gian từ 9 -> 10 phút.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trình bày đoạn văn thể hiện cảm xúc về tầm quan trọng của thơ song thất lục bát đối với văn hoá và văn học Việt Nam. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung trong đoạn văn của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức cần thiết trong khi viết đoạn văn.</p>	<p align="center">III. Luyện tập và vận dụng</p> <p>→ Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về tầm quan trọng của thơ song thất lục bát đối với văn hoá và văn học Việt Nam. - Hình thức: Đoạn văn có độ dài khoảng 10 -> 12 câu.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài phần viết: **Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).**

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 9 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Giáo viên



Hoàng Văn Toán